TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC HÓA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2017/DS-ST
Ngày:19/7/ 2017
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Khánh Hội

2. Bà Nguyễn Thị Phước Dư

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2017/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2017 về tranh chấp " Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2017/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng P; sinh năm: 1981; Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã B, huyện M, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Bùi Văn B; sinh năm: 1987; Địa chỉ cư trú: Số nhà 33, đường Tỉnh lộ 837, khu phố 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (Theo giấy ủy quyền ngày 01/3/2017)

2. Bị đơn: Bà Đoàn Thị Hồng L; sinh năm: 1972; Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã B, huyện M, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Dương Hữu L; sinh năm: 1971; Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã B, huyện M, tỉnh Long An

3.2 Bà Nguyễn Thị Hồng T; sinh năm: 1982; Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã B, huyện M, tỉnh Long An

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Văn B; sinh năm: 1987 Địa chỉ cư trú: Số nhà 33, đường Tỉnh lộ 837,

khu phố 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (Theo giấy ủy quyền ngày 01/3/2017)

Tất cả đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2016 của nguyên đơn và lời trình bày của ông Bùi Văn B người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ngày 13/5/2016 (tức ngày 07/4/2016 Âm lịch) bà P có cho bà L vay số tiền 330.000.000 đồng, mục đích vay là để làm ăn, bà L cam kết vào vụ hè thu năm 2016 trả 200.000.000 đồng (tức là vào ngày 13/9/2016). Còn lại 130.000.000 đồng sẽ trả vào vụ đông xuân năm 2017 (tức là vào ngày 14/12/2016). Khi vay, bà P và bà L có thoản thuận miệng với nhau lãi suất vay là 2%/ tháng và bà L có viết "Giấy biên nhận" cho bà P.

Ngày 17/4/2016 (tức ngày 11/3/2016 Âm lịch), bà P có đưa 20.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Hồng T là em ruột của bà để cho bà L vay, mục đích bà L vay là làm ăn, lãi suất vay là 2%/ tháng và được hai bên đương sự thỏa thuận miệng, thời hạn trả nợ là vào vụ lúa hè thu năm 2016 (tức vào ngày 17/9/2016). Mặc dù, bà L viết giấy nợ cho bà T nhưng thực tế đây là tiền của bà P.

Tổng cộng, Bà L nợ bà P là 350.000.000 đồng, bà L đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và trả lãi nên bà P khởi kiện yêu cầu bà L và chồng bà là ông Dương Hữu L phải liên đới trả nợ gốc và lãi suất như sau: Nợ gốc là 350.000.000 đồng và tiền lãi trong 7 tháng (từ ngày 13/5/2016 đến ngày khởi kiện 18/12/2016) với lãi suất là 1,2%/tháng là 29.400.000 đồng (350.000.000 đồng x 7 tháng x 1,2%/tháng)

Bà P yêu cầu bà L với ông L liên đới hoàn trả nợ vay gốc và lãi trong một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Đoàn Thị Hồng L trình bày:

Trong năm 2013, bà có vay của bà Nguyễn Thị Hồng P số tiền 55.000.000 đồng, tiền lãi là 10.000.000 đồng thì trả tiền lãi 100.000 đồng/ ngày. Bà chưa trả tiền lãi cho đến nay. Đến tháng 03 năm 2014 bà P tính toán tiền lãi và gốc cho bà là 158.000.000 đồng (gốc 55.000.000 đồng, lãi là 103.000.000 đồng). Sau đó, bà vay thêm của bà Phấn 2.000.000 đồng nữa là 160.000.000 đồng. Từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 9 năm 2014 bà P thông báo cho bà hạ lãi suất còn 7%/tháng, trong khoản thời gian này, bà P đã tính lãi cho bà 67.200.000 đồng, sau đó thì giảm còn 60.000.000 đồng cộng với tiền gốc 160.000.000 đồng bà còn nợ là 220.000.000 đồng. Tháng 9 năm 2014 bà đã trả cho bà P được

90.000.000 đồng nhưng bà không viết biên nhận với bà P. Sau đó, bà P có nói miệng với bà là bà còn nợ lại 130.000.000 đồng. Từ tháng 9 năm 2014 đến tháng 4 năm 2015 tiền lãi của nợ gốc 130.000.000 đồng là 54.000.000 đồng, tổng cộng là 184.000.000 đồng. Đến tháng 4/2015 bà có trả được cho bà P 40.000.000 đồng nhưng không làm biên nhận trả, số nợ còn lại là 144.000.000 đồng. Tháng 10 năm 2015 bà có mượn thêm của bà P 20.000.000 đồng và đã trả vào tháng 10/2016 nhưng bà cũng không làm biên nhận trả. Đến ngày 11/3/2016 bà P yêu cầu bà viết lại giấy nợ với số tiền là 330.000.000 đồng. Từ ngày ký lại giấy nợ cho đến nay, bà chưa trả nợ cho bà P nên bà thừa nhận hiện bà còn nợ bà P số tiền 330.000.000 đồng và xin được trả gốc, không tính lãi. Bà xin trả dần mỗi năm 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Ngày 11/3/2016 (AL) bà có vay của bà Nguyễn Thị Hồng T, số tiền là 20.000.000 đồng, hẹn đến "cắt lúa hè thu" sẽ trả nợ, mục đích vay là để làm ăn. Bà ký giấy nợ cho bà T là do bà T là người đưa tiền cho bà. Nay, bà thừa nhận bà nợ bà T 20.000.000 đồng và đồng ý trả tiền gốc không đồng ý trả lãi.

Bà L xác định tổng số nợ là 350.000.000 đồng là nợ riêng của bà không liên quan đến chồng bà là ông Dương Hữu L nên bà không đồng ý để ông L liên đới trả nợ với bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Hữu L trình bày: Ông là chồng hợp pháp của bà Đoàn Thị Hồng L. Đến tháng 9 năm 2016 ông mới biết bà L có nợ bà P số tiền là 350.000.000 đồng. Mặc dù, ông xác định đây là nợ riêng của bà L nhưng là vợ chồng ông đồng ý cùng bà L trả số nợ trên, ông không đồng ý trả lãi mà xin trả gốc và xin trả mỗi năm 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Hồng T là ông Bùi Văn B trình bày: Ngày 11/3/2016, bà T có viết giấy nợ cho bà Đoàn Thị Hồng L vay 20.000.000 đồng nhưng thực tế đây là tiền của bà P đưa cho bà T giao cho bà L nên thực tế là bà L nợ bà P. Lý do bà L viết giấy nợ cho bà T là do bà T là người trực tiếp đưa tiền cho bà L.

Tại biên bản hòa giải ngày 8/5/2017 và tại phiên tòa ngày hôm nay, các bên đương sự thống nhất như sau: bà Đoàn Thị Hồng L thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị Hồng P số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng. Ông Dương Hữu L đồng ý liên đới cùng bà L trả nợ cho bà P.

Vấn đề không thống nhất: Bà L và ông L không đồng ý trả lãi mà xin được trả gốc mỗi năm 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Người đại diện theo ủy

quyền của nguyên đơn không đồng ý cho trả dần nợ gốc mà yêu cầu bà L và ông L phải trả một lần cho bà P cả gốc và lãi.

Về chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ gồm bản phôtô giấy nợ ngày 11/3/2016, bản phôtô giấy biên nhận ngày 7/4/2016, đơn xác nhận nơi cư trú của bị đơn, bản photo giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của nguyên đơn, 02 bản chính giấy ủy quyền ngày 01/3/2017. Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ hoặc yêu cầu triệu tập người làm chứng nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, thảo luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại biên nhận nợ ngày 11/3/2016 (AL) thì bà Đoàn Thị Hồng L có ký nhận nợ của bà Nguyễn Thị Hồng T là em của bà P để mượn 20.000.000đ nhưng thực chất đây là tiền của bà P và gữa các đương sự bà P, bà T, bà L đều công nhận tiền của bà P nên bà P khởi kiện, bà L đồng ý trả cho bà P và bà T cũng đồng ý nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Trong đơn khởi kiện bà P yêu cầu bà L cùng ông L liên đới trả 350.000.000 đồng tiền gốc và 44.880.000 đồng tiền lãi nhưng tại phiên tòa bà P chỉ yêu cầu bà L cùng ông L liên đới trả 350.000.000 đồng tiền gốc và 29.400.000 đồng tiền lãi. Xét thấy sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quá trình thực hiện các hợp đồng vay tài sản các bên đương sự đã phát sinh tranh chấp về lãi và phương thức thanh toán nên đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa để yêu cầu giải quyết và bị đơn bà Đoàn Thị Hồng L có nơi cư trú tại Ấp M, xã B, huyện M, tỉnh Long An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Thời hiệu khởi kiện: Ngày 26/12/2016 các bên đương sự phát sinh tranh chấp khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa. Sau khi xem xét, đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và căn cứ vào Điều 427 Bộ luật dân sự 2005, Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án trên còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị Hồng P cho bà Đoàn Thị Hồng L vay số tiền là 350.000.000 đồng thể hiện qua các giấy nợ ngày 13/5/2016 (vay 330.000.000 đồng) và ngày 17/4/2016 (vay 20.000.000 đồng). Khi vay, các bên có thỏa thuận

với nhau về thời hạn vay; cụ thể: ngày 13/9/2016 trả 200.000.000 đồng, ngày 18/12/2016 trả 130.000.000 đồng và ngày 17/9/2016 trả nợ vay 20.000.000 đồng; Vay có lãi, mục đích vay là để làm ăn nên đây là hợp đồng vay có kỳ hạn được quy định tại Điều 471 và Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Bị đơn là bà L thừa nhận còn nợ bà P là 350.000.000 đồng. Mặc dù, bà P và bà L đều thừa nhận đây là hợp đồng vay có lãi nhưng không thống nhất với nhau về lãi suất. Bà P trình bày mức lãi suất cho vay là 2%/tháng, bà L thì trình bày mức lãi suất cho vay là 7%/tháng. Tuy nhiên, trong các biên nhận nợ thì các bên không ghi lãi suất mà các bên trình bày là thỏa thuận miệng với nhau. Bên cạnh đó, nguyên đơn yêu cầu tính lãi trong 7 tháng (từ ngày 13/5/2016 đến ngày 18/12/2016) với mức lãi suất là 1,2%/tháng là 29.400.000 đồng đây là khoảng thời gian Bộ luật dân sự 2005 có hiệu lực pháp luật nên áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để xem xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn. Qua quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp với nhau về lãi suất nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 không chấp nhận mức lãi suất 1,2%/tháng của nguyên đơn mà áp dụng lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước tương ứng với thời điểm vay tại thời điểm trả là 9%/năm (0,75%/tháng) theo quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam; cụ thể: 350.000.000đồng x 7 tháng x 0,75%/tháng = 18.375.000 đồng. Như vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận số tiền lãi là 11.025.000 đồng và bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận.

Bà L yêu cầu chỉ được trả nợ gốc không yêu cầu tính lãi vì đã trả lãi nhiều lần bên ngoài nhưng bà L không có xuất trình được chứng cứ chứng minh. Đồng thời, nguyên đơn bà P không chấp nhận nên theo Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005 Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu trả nợ gốc mà không trả lãi của bị đơn.

Phương thức thanh toán: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà L và người có nghĩa vụ liên quan ông L đồng ý liên đới trả cho bà P số nợ gốc là 350.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi. Ông, bà yêu cầu được trả dần mỗi năm 20.000.000 đồng nhưng nguyên đơn bà P không chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bà L và ông L khi nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thỏa thuận được với nhau về thời gian và cách thức trả nợ.

[5] Về án phí: Bà Đoàn Thị Hồng L và ông Dương Hữu L liên đới phải nộp 5% x 368.375.000 đồng = 18.418.750 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung

vào công quỹ nhà nước. Do bà Nguyễn Thị Hồng P không được chấp nhận mức lãi suất 1,2%/tháng nên bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tiền lãi không được chấp nhận là 11.025.000 đồng x5% = 551.250 đồng. Khấu trừ 9.872.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp theo biên lai số 0009990 ngày 03/01/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa. Hoàn trả lại cho bà P là 9.320.750 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 26, 35, 39, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 476, các Điều: 471, 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng P.

Buộc bà Đoàn Thị Hồng L và ông Dương Hữu L liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Hồng P số tiền 368.375.000 đồng (ba trăm sáu mươi tám triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Trong đó nợ gốc là 350.000.000 đồng và lãi 18.375.000 đồng.

Trường hợp bà Đoàn Thị Hồng L và ông Dương Hữu L chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Đoàn Thị Hồng L và ông Dương Hữu L phải liên đới nộp 18.418.000 đ (mười tám triệu bốn trăm mười tám nghìn đồng- đã làm tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà Nguyễn Thị Hồng P phải nộp 551.000 đ (năm trăm năm mươi mốt nghìn đồng- đã làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào 9.872.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp theo biên lai thu số 0009990 ngày 03/01/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa. Hoàn trả lại cho bà P là 9.321.000 đ (chín triệu ba trăm hai mươi mốt nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (19/7/2017).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- THADS huyện Mộc Hóa;
- Các đương sự
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tuấn